

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TRONG HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI.

GS.TS Đỗ Đức Bình

Trường Đại học Kinh tế quốc dân

1. Một số chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với phát triển kinh tế của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới (từ năm 1986 đến nay).

Đổi mới kinh tế ở Việt Nam trong hơn 30 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng CSVN được thể hiện ở một số nội dung chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, đổi mới nhận thức về mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Tại Đại hội VI, tư duy về thị trường và cơ chế thị trường đã được đặt ra, nhưng chưa được khẳng định rõ. Đến Đại hội IX, khái niệm kinh tế thị trường định hướng XHCN được xác định là mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta. Nhận thức về nội hàm, cơ chế vận hành và cấu trúc của mô hình kinh tế thị trường ngày càng được xác định rõ ràng và đầy đủ hơn. Có thể tóm tắt sự đổi mới nhận thức về mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta như sau:

+ Khẳng định kinh tế thị trường là *sự phát triển tất yếu*, phù hợp với toàn cầu hóa, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế và thực hiện các giá trị xã hội của các quốc gia trên thế giới, không phân biệt thể chế chính trị và trình độ phát triển

+Mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta đã được khẳng định là: giải phóng lực lượng sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân. Phát triển lực lượng sản xuất hiện đại gắn với xây dựng quan hệ sản xuất mới, phù hợp trên cả ba mặt: sở hữu, quản lý và phân phối, nhằm thực hiện mục tiêu lâu dài: độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển.

+Về mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ chỗ coi kinh tế thị trường là đối lập với chủ nghĩa xã hội, đã đi đến nhận thức rõ: kinh tế thị trường không phải là sản phẩm riêng có của chủ nghĩa tư bản mà là thành tựu chung của nhân loại, coi kinh tế thị trường là phương tiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Một hệ thống quan điểm về kinh tế thị trường và tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam đã được xác định, thể hiện ở tám đặc trưng của mô hình XHCN mà Việt Nam xây dựng, tám phương hướng cơ bản của con đường đi lên CNXH, và tám mối quan hệ lớn phải chú trọng giải quyết trong quá trình đi lên CNXH.(Tham khảo Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận – thực tiễn 30 năm đổi mới).

Thứ hai, đổi mới tư duy, nhận thức về sở hữu.

Trong hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới theo tư tưởng Đại hội Đảng CSVN lần thứ VI và các nghị quyết của các đại hội tiếp theo của Đảng, mặc dù cũng còn một số khía cạnh về vấn đề sở hữu cần được tiếp tục nghiên cứu, đổi mới, song có thể khẳng định rằng, nhận thức và tư duy về sở hữu ở Việt Nam đã có sự thay đổi khá cơ bản; từ chỗ thừa nhận đơn chế độ sở hữu, đến thừa nhận đa chế độ sở hữu với nhiều loại hình doanh nghiệp và hình thức sở hữu đa dạng và đan xen nhau, nhờ đó đã tạo môi trường tương đối thuận lợi cho nền kinh tế thị trường phát triển.

Thứ ba, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và cấu trúc lại các khu vực kinh tế.

Từ chỗ chỉ thừa nhận nền kinh tế tồn tại đơn thành phần sang đa thành phần kinh tế, theo đó nền kinh tế từng bước được cấu trúc lại như sau: *Tổ chức lại hệ thống doanh nghiệp Nhà nước; Tổ chức lại khu vực kinh tế tập thể, chủ yếu là hệ thống hợp tác xã; Khôi phục và khuyến khích phát triển khu vực kinh tế tư nhân.*

Riêng đối với khu vực kinh tế tư nhân, chính sách, quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với khu vực kinh tế tư nhân có sự thay đổi khá rõ nét từ Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1994). Đảng đã thừa nhận sự tồn tại lâu dài của kinh tế cá thể, tiểu chủ và chủ trương cần quan tâm hỗ trợ, khuyến khích kinh tế tư bản tư nhân phát triển trong các ngành, lĩnh vực pháp luật không cấm, bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp của chủ doanh nghiệp. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư bản tư nhân phát triển trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài và hiện nay coi kinh tế tư nhân không chỉ là động lực, mà là động lực quan trọng trong phát triển kinh tế- xã hội của đất nước. Theo đó, môi trường kinh doanh luôn được hoàn thiện theo hướng khắc phục các rào cản, tạo điều kiện và cơ hội tốt nhất cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực để phát triển.

+ Phát triển mạnh khu vực kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Ngay sau khi chuyển sang xây dựng nền kinh tế thị trường, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã chủ trương tạo môi trường thuận lợi để kêu gọi các quốc gia, các doanh nghiệp nước ngoài bỏ vốn đầu tư, thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội VII (1991) đã đề ra chủ trương: Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài vào nước ta đầu tư, hợp tác kinh doanh. Xây dựng thể chế đồng bộ, ổn định, thuận tiện và tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh; thống nhất đầu mối giải quyết các thủ tục và yêu cầu đầu tư của nước ngoài. Bảo đảm những điều kiện thiết yếu về cơ sở hạ tầng, phương tiện làm việc và sinh hoạt cho người nước ngoài, trước hết là ở các khu chế xuất và những địa bàn đầu mối trong quan hệ kinh tế đối ngoại. Tổ chức tốt thông tin kinh tế và chủ động chuẩn bị các dự án gọi vốn đầu tư nước ngoài. Đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu hoạt

động kinh tế đối ngoại theo cơ chế mới, với các đối tượng mới.

Từ sau Đại hội IX (2001), nhận thức và quan điểm của Đảng đối với khu vực kinh tế FDI đã có sự thay đổi căn bản, coi khu vực kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là một bộ phận của nền kinh tế Việt Nam. Để thực hiện các chủ trương của Đảng và tạo ra môi trường pháp lý đầy đủ, rõ ràng và minh bạch cho việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, năm 1988, Quốc hội đã ban hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và được sửa đổi, bổ sung năm 1993. Năm 1996, Quốc hội ban hành Luật Đầu tư nước ngoài mới, thay thế cho Luật Đầu tư nước ngoài năm 1993; tiếp sau đó là việc sát nhập luật đầu tư nước ngoài với luật đầu tư trong nước thành luật đầu tư(chung) và luật đầu tư năm 2014-luật số 67/2014/QH13. Quá trình hoàn thiện luật đầu tư và các văn bản pháp quy khác có liên quan đến đầu tư nhằm tạo ra môi trường đầu tư ngày càng thông thoáng hấp dẫn hơn, từ đó góp phần thu hút được các nhà đầu tư lớn, chiến lược vào phát triển kinh tế Việt Nam những năm qua.

Thứ tư, chuyển đổi vai trò của Nhà nước và thị trường đối với phát triển nền kinh tế.

Khi chuyển sang xây dựng nền kinh tế thị trường, vấn đề tất yếu được đặt ra là phải chuyển đổi vai trò của Nhà nước và thị trường cho phù hợp với mô hình kinh tế mới. Việc chuyển đổi được tiến hành theo hướng giảm dần vai trò của Nhà nước đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân, trả lại cho thị trường vai trò đích thực của nó là điều tiết nền kinh tế dựa trên các quy luật kinh tế khách quan.

Ngay từ những năm đầu đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có chính sách chuyển đổi vai trò của Nhà nước và thị trường cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Tư tưởng đó từng bước được thể hiện trong các Nghị quyết của Đại hội VII, VIII và IX của Đảng CSVN; Đến Đại hội X (2006) nêu rõ hơn vai trò của Nhà nước: “Nhà nước tác động đến thị trường chủ yếu thông qua cơ chế, chính sách và các công cụ kinh tế; đồng thời sử dụng kịp thời có hiệu quả một số biện pháp cần thiết khi thị trường trong nước hoạt động không có hiệu quả hoặc thị trường khu vực và thế giới có biến động lớn.

Thực hiện quản lý Nhà nước bằng hệ thống pháp luật, giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp. Tách chức năng quản lý hành chính của Nhà nước khỏi chức năng quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, xóa bỏ “chế độ chủ quản”; tách hệ thống cơ quan hành chính công khỏi hệ thống cơ quan sự nghiệp; phát triển mạnh các dịch vụ công cộng (giáo dục, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, thể dục thể thao)”¹.

Văn kiện Đại hội XI (2011) xác định: “Trong nền kinh tế thị trường định hướng

¹ Văn kiện Đại hội X, sách đã dẫn, tr. 79.

XHCN, cơ chế thị trường phải được vận dụng đầy đủ, linh hoạt để phát huy mạnh mẽ và có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, tăng cường đồng thuận xã hội để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh... Nhà nước quản lý nền kinh tế thị trường định hướng XHCN bằng luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các nguồn lực kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo lập, phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế”².

Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ 5 (khóa XII, tháng 5/2017) đã có Nghị quyết về “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, xác định vai trò của Nhà nước và thị trường trong nền kinh tế như sau: Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế; tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và bảo vệ tài nguyên, môi trường; phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực Nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường.

Nhờ đó, vai trò của Nhà nước và thị trường đối với phát triển kinh tế ở Việt Nam ngày càng phù hợp hơn với điều kiện của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế.

Thứ năm, từng bước hội nhập với khu vực và thế giới.

Thực hiện chủ trương và phương châm đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ kinh tế quốc tế, theo đó cho đến nay Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với trên 190 quốc gia, vùng lãnh thổ; quan hệ buôn bán với trên 240 quốc gia, vùng lãnh thổ; hơn 100 quốc gia, vùng lãnh thổ đã thực hiện đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam; Đồng thời, cho đến nay, Việt Nam đã trực tiếp và tham gia ký kết và đã và sẽ thực hiện 16 FTA khu vực và liên khu vực. Đây là những cơ hội rất lớn đối với Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế những năm tới.

2. Một số kết quả chủ yếu về thực hiện những chủ trương đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

² Văn kiện Đại hội XI, sách đã dẫn, tr. 205, 206.

Một là, đã nỗ lực xây dựng hệ thống luật pháp ngày càng đầy đủ, đồng bộ, phù hợp với các quy luật của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Nhờ sự quan tâm đó của Đảng và Nhà nước, nên từ năm 1990 đến năm 2018, tức là trong vòng 28 năm, Việt Nam đã xây dựng và ban hành hơn 194 Bộ Luật và Luật, 88 Pháp lệnh (kể cả sửa đổi, bổ sung) có liên quan đến việc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong số hơn 190 Bộ Luật và Luật đã ban hành có những Bộ Luật và Luật rất quan trọng đối với việc hình thành khung khổ pháp lý cho sự vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Thương mại, Bộ Luật Lao động, Luật Cạnh tranh, Luật Phá sản, các Luật về Thuế (Doanh thu, Tiêu thụ đặc biệt, Xuất-Nhập khẩu, Giá trị gia tăng.v.v.); Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật các tổ chức tín dụng.v.v,...Hệ thống Pháp luật ngày càng hoàn thiện đã góp phần tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động của các tác nhân tham gia trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hai là, đã có nhiều cố gắng trong việc hoàn thiện tổ chức, nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý kinh tế của Bộ máy Nhà nước.

Để nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vận hành thuận lợi, đưa lại những thành công, đi liền với xây dựng và hoàn thiện hệ thống Pháp luật, Đảng cộng sản Việt Nam cũng đặc biệt coi trọng việc hoàn thiện tổ chức, nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý kinh tế của bộ máy Nhà nước.

Các tư tưởng trên về xây dựng bộ máy Nhà nước được các Đảng luôn chú trọng, nhờ đó, nền hành chính của Việt Nam đã có nhiều đổi mới tích cực: Chức năng, quyền hạn, trách nhiệm giữa các cơ quan Lập pháp, Tư pháp và Hành pháp được phân định ngày càng rõ ràng hơn, đặc biệt tổ chức của bộ máy Chính quyền các cấp đã từng bước được quan tâm hoàn thiện, cơ chế quản lý được chú trọng đổi mới, do đó, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Chính quyền ngày càng được nâng cao.

Ba là, từng bước hình thành đồng bộ các loại thị trường, bảo đảm cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác lập thực sự trong thực tế.

Bốn là, đã xác định ngày càng rõ hơn vị trí, vai trò của các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong nền KTTT ở Việt Nam, có nhiều chủ thể tham gia như Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, xã hội và người dân. Mỗi chủ thể có vai trò, vị trí khác nhau đối với sự phát triển kinh tế- xã hội và đất nước nói chung.

3. Một số hạn chế, bất cập chủ yếu

+ Một là, trong hơn 30 năm qua Việt Nam đã xây dựng và ban hành được rất nhiều Bộ luật, Luật và các văn bản pháp quy phục vụ cho việc tổ chức, quản lý và vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, chất lượng của hệ thống văn bản này chưa thật cao. Điều này được thể hiện ở nhiều Bộ luật và Luật mới ban hành đã phải sửa hoặc thay đổi, hay chưa ban hành đã phát hiện còn nhiều điều không hợp lý, đòi hỏi phải nghiên cứu thêm để hoàn thiện. Chẳng hạn, Luật Đất đai mới (được cho là rất tiên bộ) được ban hành năm 1993, đến năm 1998 đã sửa đổi, rồi năm 2001 sửa đổi tiếp. Sau đó là Luật đất đai năm 2003 và Luật đất đai năm 2013. Mặc dù vậy, người ta vẫn phát hiện Luật đất đai năm 2013 vẫn còn tới 20 điều bất cập, nhất là các vấn đề thuộc về: Thẩm quyền giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, định giá đất, thu hồi đất, tích tụ và tập trung ruộng đất...Điều đáng quan tâm nhất hiện nay của luật đất đai chính là quyền sở hữu. Đất đai là đầu vào đặc biệt quan trọng của mọi hoạt động sản xuất-kinh doanh của nền kinh tế, nhưng nó lại thuộc sở hữu toàn dân và chỉ duy nhất có một người đại diện cho chủ sở hữu đó là Nhà nước(Nhà nước cũng là một khái niệm rất chung), nên mấy chục năm nay hô hào hình thành thị trường đất đai, song thị trường đất đai đúng nghĩa không sao có thể hình thành được. Chính vì thế, đất đai là lĩnh vực kỳ bèo bở cho những người có chức, có quyền trong bộ máy Nhà nước tham nhũng và hành dân;....

Bên cạnh đó, Sự thay đổi, thiếu tính ổn định của hệ thống Luật pháp nhiều khi làm cho doanh nghiệp và người dân trở tay không kịp, tạo ra nhiều tổn thất không đáng có đối với DN và người dân và do đó làm giảm lòng tin của DN Và người dân vào các cơ quan công quyền.

+ Hai là,, không ít Luật còn mang tính chồng chéo, mâu thuẫn nhau, ví dụ : Theo Luật Đầu tư, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư không yêu cầu Nhà đầu tư phải nộp quyết định “Đánh giá tác động môi trường”, nhưng Luật Bảo vệ môi trường lại quy định quyết định phê duyệt báo cáo về “ Đánh giá tác động môi trường” là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định chủ đầu tư dự án.

Thủ tục giới thiệu địa điểm xây dựng trong giai đoạn hình thành dự án không tương thích giữa Luật Xây dựng, Luật Nhà ở và Luật Đầu tư. Theo quy định của Luật Xây dựng, cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng có trách nhiệm giới thiệu địa điểm đầu tư xây dựng cho các Nhà đầu tư khi có yêu cầu. Nhưng Luật Đầu tư trong hồ sơ thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư tại Điều 33 lại yêu cầu Nhà đầu tư phải nộp: “Đề xuất dự án đầu tư trong đó có nội dung về địa điểm đầu tư”. Như vậy, Nhà đầu tư phải có địa điểm đầu tư trước khi thực hiện thủ tục đầu tư.v,v,... Chính sự chồng chéo, mâu thuẫn của các Luật như trên đã gây không ít khó khăn cho doanh nghiệp và người dân trong việc xử lý các vấn đề có liên quan.

+ Ba là, một số Luật và chính sách đưa ra chưa phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước và nền kinh tế, nên rất khó thực thi trong thực tiễn. Chẳng hạn, Luật Phá sản là Luật tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đang trong tình trạng khó khăn, thua lỗ có cơ hội rút khỏi thị trường một cách có trật tự, góp phần tái phân phối tài sản, thúc đẩy lưu thông vốn trong nền kinh tế, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động và các chủ nợ. Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai gặp không ít trở ngại.

+ Bốn là, một số điều của luật và chính sách chưa thật phù hợp với các thông lệ quốc tế. Điều này còn thể hiện khá rõ ở nhiều Bộ luật và Luật ở nước ta, từ Luật Hình sự, Dân sự... cho đến luật Đất đai, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế...

+ Năm là, hệ thống tổ chức bộ máy quản lý còn chồng chéo; chức năng quản lý còn chồng chéo; đội ngũ cán bộ công chức đông, nhưng không mạnh thể hiện ở chất lượng làm luật pháp, chính sách và quản lý điều hành nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế của Việt Nam còn thấp. Hiện tại, còn nhiều điều kiện kinh doanh, rào cản đối với môi trường kinh doanh và sự phát triển của Việt Nam chưa được dỡ bỏ và do đó làm giảm tốc độ phát triển và hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp và người dân.

+ Các loại thị trường ở Việt Nam đã đang và dần dần được hình thành, nhưng cơ chế, chính sách đang tạo ra không ít rào cản gây khó khăn cho từng loại thị trường hoạt động và phát triển.

Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế bất cập trên thì có nhiều, nhưng có thể kể ra một số nguyên nhân như: Tư duy nhận thức về sự phát triển kinh tế-xã hội và đất nước; Thiếu những quan điểm đột phá về sự phát triển phù hợp với xu thế của thời đại; Sự đổi mới về thể chế chính trị còn chậm hơn sự đổi mới thể chế kinh tế, do đó nhiều khi tạo ra ách tắc, rào cản đối với sự phát triển kinh tế = xã hội và đất nước nói chung; v, v,

4. Một số quan điểm, giải pháp tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức để phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh mới.

4.1. Về quan điểm

1) Tiếp tục có sự đổi mới đột phá về tư duy nhận thức đối với phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế của Việt Nam phù hợp với bối cảnh mới nhằm tận dụng tốt cơ hội, giảm thiểu thách thức do phát triển và hội nhập đưa lại.

2) Phải có tư duy mới mang tính đột phá trong tổ chức xây dựng hệ thống luật pháp, chính sách kinh tế và thực thi luật pháp chính sách của Việt Nam theo hướng phù hợp với luật pháp quốc tế, thông lệ quốc tế và các cam kết Việt Nam đã ký và tham gia với các quốc gia, tổ chức hợp tác trong khu vực và toàn cầu.

3) Thực hiện quyết liệt cải cách hành chính để sớm tạo ra một tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả và mang tính chuyên nghiệp cao.

4.2. Một số giải pháp chủ yếu.

1) Tập trung rà soát tất cả các Bộ luật, luật và chính sách... hiện hành, chỉnh sửa bổ sung những điểm còn bất cập, chưa tương thích với luật pháp, thông lệ quốc tế.

2) Đón bắt các cơ hội do các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký và sẽ ký tham gia như CPTPP, HĐ thương mại tự do Việt Nam- EU, Theo đó, Việt Nam phải rà soát, bổ sung hoàn thiện các luật liên quan đến luật sở hữu trí tuệ, luật lao động, luật doanh nghiệp, luật đầu tư công, luật thương mại, Môi trường, Thương mại điện tử, tổ chức công đoàn,....Thực hiện các giải pháp đột phá để tận dụng có hiệu quả các cơ hội để phát triển đất nước trong bối cảnh và điều kiện mới của thế giới và trong nước.

3) Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp quốc gia, cấp ngành, doanh nghiệp và bản thân hàng hóa dịch vụ do DN và người dân cung cấp.

4) Chính sách xây dựng và khuyến khích các tập đoàn kinh doanh trong nước vươn mạnh ra thị trường nước ngoài và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.

5) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, quản trị của Nhà nước đối với sự phát triển kinh tế- xã hội và phát triển đất nước nói chung.

Tài liệu tham khảo

1. Các văn kiện Đại hội Đảng CSVN lần thứ VI đến XII.
2. Lương Xuân Quỳnh (2015). Tư duy mới về phát triển Kinh tế-xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới. NXB. CTQG. Hà nội.
3. Lê Du Phong (2018). Các rào cản về thể chế kinh tế đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.